22009325

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phương pháp lập trình hướng đối tượng** Mã học phần: **CSC10003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **12/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **GD2**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chỉ tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
1	1781028	Ngô Văn	Sĩ					●			
2	1881107	Phan Thị	Duyên					●			
3	1881111	Đinh Thị Thu	Hiền					●			
4	1981035	Nguyễn Thị Trúc	Quyên				4		4		
5	1988053	Võ Thanh	Ngân				9.5		9.5	●	
6	1988097	Trần Đình	Tiến				9		9		
7	1988218	Nguyễn Trần Tấn	Du				5		5		
8	20810232	Thiều Minh	Tâm				4		4		
9	20880013	Châu Thị Mai	Diễm				3.5		3.5	●	
10	20880051	Hoàng Cao	Minh					●			
11	20880225	Nguyễn Trường	Giang					●			
12	20880254	Lê Thùy	Linh				7		7		
13	20880257	Nguyễn Văn	Luân					●			
14	20880302	Tiên Hồng	Vân				9.5		9.5	●	
15	21810003	Vũ Hoàng	Anh					●			
16	21810004	Nguyễn Đức	Bình					●			
17	21810007	Hà Nguyễn Tuấn	Dũng				8.5		8.5	●	
18	21810009	Thiệu Quốc	Đăng				6.5		6.5	●	
19	21810012	Nguyễn Đức	Hoàng				9.5		9.5	●	
20	21810014	Trần Nhật	Huy					●			
21	21810017	Lê Thiên	Hương				9.5		9.5	●	
22	21810018	Lê Minh	Khôi				9.5		9.5	●	
23	21810020	Phu Vân	Long				3		3		
24	21810026	Phan Diên	Phát					●			
25	21810034	Trần Thanh	Tân					●			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) [illegible] Chữ ký: [illegible]	Họ, tên: PHẠM MINH TUẤN	Họ, tên:
2) Đinh Quốc Tuấn Chữ ký: [illegible]	Chữ ký: [illegible]	Chữ ký:

22009326

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phương pháp lập trình hướng đối tượng** Mã học phần: **CSC10003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **12/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **GD2**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
26	21810037	Lại Minh	Tuấn					●	10	○	
27	21810048	Vũ Minh	Trí				9.5	v	9	●	
28	21810052	Trần Hằng	Vi				8	v	7	○	
29	21810201	Nguyễn Thuận	An				8.5	v	7	●	
30	21810204	Phan Đức	Cảnh				7	v	6	○	
31	21810215	Nguyễn Tuấn	Minh				5	v	4	○	
32	21810217	Nguyễn Phúc Bình	Nguyên				9	v	8	○	
33	21810221	Phan Thanh	Tuấn				9	v	8	○	
34	21880003	Ngô Hoàng Vân	Anh				9	v	8	○	
35	21880005	Phạm Tuấn	Anh				8	v	7	○	
36	21880013	Đặng Ngọc Hồng	Cẩm				8	v	7	○	
37	21880014	Trần Thị Kim	Cương				8.5	v	7	●	
38	21880015	Hoàng Cao	Cường				9.5	v	8	●	
39	21880019	Lê Hoàng	Danh					●	10	○	
40	21880022	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp					●	10	○	
41	21880053	Phạm Gia	Huy				9.5	v	9	●	
42	21880057	Dương Hoài	Hương				4	v	3	○	
43	21880061	Trần Minh	Hữu				8.5	v	7	●	
44	21880062	Ô Sa	Ka				5	v	4	○	
45	21880066	Nguyễn Kim	Khánh				9	v	8	○	
46	21880070	Phạm Huỳnh Tấn	Lộc				8	v	7	○	
47	21880075	Nguyễn Dương Công	Luận					●	10	○	
48	21880078	Nguyễn Văn	Minh					●	10	○	
49	21880080	Trần Phan Quang	Minh				9	v	8	○	
50	21880082	Huỳnh Phương	Nam					●	10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) ..... Chữ ký:	Họ, tên: PHẠM MINH DUẨN	Họ, tên:
2) Đinh Quốc Tuấn ..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009327

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phương pháp lập trình hướng đối tượng** Mã học phần: **CSC10003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **12/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **GD2**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
51	21880087	Đặng Trần Phúc	Nghi				6	v	6		
52	21880088	Nguyễn Thị Bích	Ngọc				8.5	v	8	●	
53	21880089	Hà Cao	Nguyên				9.5	v	9	●	
54	21880094	Phan Nguyễn Hạnh	Nhân					●			
55	21880105	Nguyễn Tấn	Phúc				9.5	v	9	●	
56	21880124	Nguyễn Nhật	Tuấn				3	v	3		
57	21880127	Trần Thị	Tuyết				9	v	9		
58	21880128	Đặng Thành	Thái				8.5	v	8	●	
59	21880132	Lê Võ	Thanh					●			
60	21880133	Trịnh Mỹ	Thanh				9	v	9		
61	21880135	Võ Kim	Thành				9	v	9		
62	21880136	Nguyễn Minh	Thảo				9.5	v	9	●	
63	21880142	Lê Hoàng	Thông				9	v	9		
64	21880150	Huỳnh Văn	Thương				8	v	8		
65	21880151	Tiêu Thảo	Trang				9.5	v	9	●	
66	21880152	Nguyễn Thị Hương	Trân				9	v	9		
67	21880154	Nguyễn Bảo	Trọng				9	v	9		
68	21880159	Nguyễn Hữu	Vinh				8.5	v	8	●	
69	21880213	Đặng Vũ Ngọc	Giang				9.5	v	9	●	
70	21880216	Lê Thị	Hào				9	v	9		
71	21880219	Nguyễn Thị	Hoàng				9	v	9		
72	21880229	Võ Thiếu	Lâm				8.5	v	8	●	
73	21880231	Lê Văn	Lộc				9.5	v	9	●	
74	21880235	Lê Thị	Minh					●			
75	21880245	Đỗ Thị Minh	Ngọc				7	v	7		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên:	Họ, tên: .....
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009328

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phương pháp lập trình hướng đối tượng** Mã học phần: **CSC10003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **12/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **GD2**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chỉ tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
76	21880250	Nguyễn Duy	Nhật				8		8		
77	21880253	Ngô Minh	Phát					●			
78	21880262	Nguyễn Hải	Sang					●			
79	21880275	Phan Quốc	Thanh				9		9		
80	21880276	Tôn Huỳnh Thanh	Thảo				7		7		
81	21880282	Nguyễn Thu	Trang				9		9		
82	21880284	Vũ Đình Bảo	Uyên					●			
83	21880287	Phạm Đình Quang	Vinh				9		9		
84	21880289	Nguyễn Hoàng Thanh	Xuân				9		9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Viết Long Chữ ký:	Họ, tên: PHẠM MINH TUẤN	Họ, tên:
2) Đinh Quốc Trấm Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HIỆU CHỈNH
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022 - 2023

Tên học phần: Chuyên đề Tổ chức dữ liệu **Mã học phần:** CSC10202 **Mã lớp:** ĐTTX

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Điểm trước hiệu chỉnh			Điểm sau khi hiệu chỉnh			Lý do điều chỉnh điểm
			Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Tổng kết	
1	20880062	Nguyễn Thanh Phong	7.8	2.5	5.5	9.3	2.5	6.5	sót điểm bài tập 4
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

Ngày 7 tháng 12 năm 2022

KHOA / BỘ MÔN

CÁN BỘ CHẤM THI

Vũ Quốc Hoàng

22009305

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** Mã học phần: **CSC12003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **07:00** Phòng thi: **E301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
1	1681058	Trần Văn	Xuân			7.15	7.4	ⓥ	7	○	
2	1681222	Nguyễn Hoàng	Ngữ			7.35	6.2	ⓥ	6	○	
3	1881017	Nguyễn Minh	Hoàng			3.8	5.8	ⓥ	5	○	
4	1881021	Võ Việt	Khánh					●		○	
5	1881040	Huỳnh Phú Thái	Sơn					●		○	
6	1881101	Nguyễn Bảo	An			6.2	6.4	ⓥ	6	○	
7	1881145	Phạm Hồng Thiên	Tài			7.25	5.9	ⓥ	5	○	
8	1881150	Lương Văn	Trí			0	0	ⓥ	0	○	
9	1981014	Nguyễn Quốc	Hưng			1.5	1.6	ⓥ	1	○	
10	1981019	Nguyễn Thành	Luân			6.3	6.5	ⓥ	6	○	
11	1981039	Lê Viết	Thanh			7.3	6.6	ⓥ	6	○	
12	1981214	Lê Hồng	Em					●		○	
13	1981228	Nguyễn Trần	Nghĩa					●		○	
14	1981233	Đoàn Thiên	Thanh					●		○	
15	1981239	Nguyễn Thuỵ Đan	Thy					●		○	
16	1985218	Phạm Đình	Huy			6.1	5.0	ⓥ	5	○	
17	1988007	Nguyễn Bảo	Châu			4.95	6.5	ⓥ	6	○	
18	1988012	Nguyễn Văn	Đạt			7.25	8.4	ⓥ	8	○	
19	1988107	Nguyễn Đức Anh	Tuấn					●		○	
20	1988115	Lê Thị Khánh	Vân					●		○	
21	1988117	Đoàn Quốc	Vũ					●		○	
22	1988213	Ngô Minh	Chính			9.65	9.3	ⓥ	9	○	
23	1988218	Nguyễn Trần Tấn	Du					●		○	
24	1988224	Phạm Tiến	Đạt			8.6	8.3	ⓥ	8	○	
25	1988236	Võ Thị Ngọc	Hạnh			5.2	5.8	ⓥ	5	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tiến Đạt Chữ ký: 2) Trần Thanh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Bạch Huệ Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

22009306

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** Mã học phần: **CSC12003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **07:00** Phòng thi: **E301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
26	1988247	Nguyễn Hoàng	Huy			7.4	7.3	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
27	1988260	Nguyễn Duy	Mạnh			1.35	3.4	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
28	1988276	Vũ Thanh	Phi					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
29	1988326	Huỳnh Minh	Trí			7.85	7.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
30	1988333	Võ Như	Ý					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
31	1988334	Nguyễn Thị Hải	Yến			9.5	9.4	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
32	20810014	Lê Tuấn	Khôi					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
33	20810029	Nhan Vĩnh	Trường					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
34	20810034	Hồng Huy	Vinh					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
35	20810212	Trần Văn	Hữu			0.5	2.8	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
36	20810229	Mai Đình Thái	Sơn					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
37	20850027	Trần Đức	Tiến			0	3.7	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
38	20850035	Trần Thị Quế	Trân					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
39	20850040	Nguyễn Quốc	Vương					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
40	20850201	Bùi Lê Quốc	Bảo			9.15	9.2	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
41	20850209	Võ Chí	Hiếu			5.55	6.8	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
42	20850215	Nguyễn Trần Anh	Khoa			9.15	9.2	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
43	20850222	Trầm Hữu	Nghiệp			1.0	2.7	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
44	20850223	Nguyễn Hữu	Nguyên			2.7	2.2	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
45	20850224	Phạm Minh	Nhật			1.25	3.6	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
46	20850232	Huỳnh Cẩm	Sơn			3.9	5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
47	20850233	Võ Phước Hoàng	Sơn					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
48	20880009	Tạ Huy	Cường					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
49	20880020	Nguyễn Thị Chiêu	Dương			8.2	8.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
50	20880035	Huỳnh Phú	Khánh					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tiến Vũng Chữ ký: 2) Đoàn Thanh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Bạch Huệ Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

22009307

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** Mã học phần: **CSC12003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **07:00** Phòng thi: **E301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chỉ tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
51	20880051	Hoàng Cao	Minh					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
52	20880060	Hồ Tấn	Phi					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
53	20880074	Nguyễn Việt Hoàng	Sơn					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
								v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tiến Dũng Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Bạch Huệ	Họ, tên:
2) Trần Thanh Mai Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009308

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** Mã học phần: **CSC12003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **07:00** Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chỉ tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
1	20880078	Hồ Công	Tấn			5.3	6.4		6		
2	20880108	Đặng Đức	Trường			4.95	7.0		7		
3	20880203	Nguyễn Thế	Anh					●			
4	20880207	Nguyễn Phạm Gia	Bảo					●			
5	20880210	Nguyễn Chí	Cường			9.25	9.2		9		
6	20880219	Huỳnh Phát	Đạt			9.0	9.2		9		
7	20880222	Lê Vũ Đông	Giang					●			
8	20880223	Nguyễn Tống	Giang			5.85	5.5		5		
9	20880247	Trương Phạm Hoàng	Khang					●			
10	20880255	Nguyễn Quang Thiên	Long			8.5	7.8		7		
11	20880257	Nguyễn Văn	Luân			2.5	5.0		5		
12	20880258	Trần Quốc Bảo	Luân					●			
13	20880263	Nguyễn Hoàng	Nam			8.35	8.8		8		
14	20880264	Nguyễn Phương	Nam			4.4	6.8		6		
15	20880278	Khưu Cẩm	Tú			8.6	8.8		8		
16	20880297	Trương Ngọc Quỳnh	Trang			9.5	9.6		9		
17	20880301	Phạm Thị Bảo	Uyên			4.15	5.5		5		
18	20880302	Tiên Hồng	Vân			5.3	7.0		7		
19	21810009	Thiệu Quốc	Đăng			4.3	5.2		5		
20	21810012	Nguyễn Đức	Hoàng			3.65	5.7		5		
21	21850001	Nguyễn Tri Thùy	Dương					●			
22	21850002	Hồ Quốc	Đạt			3.85	5.0		5		
23	21850006	Nguyễn Quang	Hậu			2.7	3.4		3		
24	21850007	Đinh Trường	Long			5.45	5.8		5		
25	21850016	Nguyễn	Phú			2.45	5.0		5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phạm Huy Lâm ..... Chữ ký: 2) Lê Nguyễn Tuấn Nhi ..... Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Bạch Huệ Chữ ký:	Họ, tên: ..... Chữ ký:

22009309

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** Mã học phần: **CSC12003**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **07:00** Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
26	21850021	Phạm Minh	Tuân			0	1.6	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
27	21850022	Hà Sơn	Tùng					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
28	21850023	Nguyễn Đăng	Tùng					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
29	21850024	Nguyễn Minh	Tư			3.9	6.6	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
30	21850026	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo			6.35	6.7	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
31	21850027	Lưu Quang	Thắng			6.7	7.4	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
32	21850028	Nguyễn	Thắng			5.25	5.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
33	21850029	Trần Thị	Thân			4.2	6.1	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
34	21850032	Nguyễn Hoàng	Vinh			8.0	8.3	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
35	21850034	Hồ Hoàng	Vũ			3.95	5.8	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
36	21850201	Đỗ Văn	Cừ			2.65	1.8	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
37	21850207	Nguyễn Cao	Hùng					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
38	21880030	Đinh Hoàng	Giang			8.75	9.2	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
39	21880036	Trần Thị Minh	Hằng			10	9.7	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
40	21880037	Lê Trương Ngọc	Hân					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
41	21880042	Thái Ngọc	Hiếu			8.9	8.9	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
42	21880056	Vũ Thị	Huyền			0	3.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
43	21880060	Trịnh Thị Hoài	Hương			8.75	8.6	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
44	21880070	Phạm Huỳnh Tấn	Lộc			2.85	6.1	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
45	21880092	Hồ Phan	Nhân			8.75	9.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
46	21880093	Nguyễn Trọng	Nhân					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
47	21880127	Trần Thị	Tuyết			9.6	9.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
48	21880139	Đào Huỳnh Minh	Thiện			5.2	6.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
49	21880154	Nguyễn Bảo	Trọng			10	9.7	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
50	21880265	Nguyễn Trí	Tâm					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phạm Huy Lân ..... Chữ ký: 2) Lê Nguyễn Trường Nhi ..... Chữ ký:	Họ, tên: Phan Thị Bích Huê Chữ ký:	Họ, tên: ..... Chữ ký:

22009310

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phân tích thiết kế hệ thống thông tin** Mã học phần: **CSC12004**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **E301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
1	1581239	Phan Văn	Nguyên					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
2	1881150	Lương Văn	Trí				4.0	✓	0 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 10	○	
3	1981039	Lê Viết	Thanh				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
4	1988030	Dương Mục	Huân				7.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	○	
5	1988109	Nguyễn Vĩnh	Tuấn				7.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	○	
6	1988206	Đỗ Tiến	Biên				6.0	✓	0 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 10	○	
7	1988218	Nguyễn Trần Tấn	Du				5.0	✓	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	○	
8	1988236	Võ Thị Ngọc	Hạnh				7.5	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
9	1988280	Nguyễn Văn	Phúc				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
10	1988304	Nguyễn Anh	Tuyên				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
11	1988326	Huỳnh Minh	Trí				7.5	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
12	1988331	Nguyễn Phi	Trường				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
13	20850210	Lưu Quốc	Hoàng				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
14	20850213	Vũ Nguyễn Anh	Huy				7.5	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
15	20850239	Lê Thị	Thủy				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
16	20880009	Tạ Huy	Cường					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
17	20880035	Huỳnh Phú	Khánh				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
18	20880062	Nguyễn Thanh	Phong				7.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	○	
19	20880105	Đặng Trần Tuấn	Trung				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
20	20880206	Nguyễn Lê Hoàng	Bảo				7.5	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
21	20880238	Hoàng	Hùng					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
22	20880248	Nguyễn Châu	Khanh				8.0	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
23	20880258	Trần Quốc Bảo	Luân				7.5	✓	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
24	20880268	Nguyễn Triển	Phát				6.5	✓	0 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 10	●	
25	20880292	Nguyễn Tấn	Thịnh					●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đinh Quốc Tuấn Chữ ký:	Họ, tên: Lê Hoài Nam	Họ, tên:
2) Đào Thanh Mẫu Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009311

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Phân tích thiết kế hệ thống thông tin** Mã học phần: **CSC12004**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **06/11/2022** Giờ thi: **15:30** Phòng thi: **E301**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chỉ tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
26	20880297	Trương Ngọc Quỳnh	Trang				7.0	v	7		
27	20880302	Tiên Hồng	Vân				8.0	v	8		
28	21850001	Nguyễn Tri Thùy	Dương				7.5	v	7	●	
29	21850002	Hồ Quốc	Đạt				6.5	v	6	●	
30	21850007	Đinh Trường	Long				7.5	v	7	●	
31	21850015	Lương Anh	Phú				7.0	v	7		
32	21850016	Nguyễn	Phú				8.0	v	8		
33	21850023	Nguyễn Đăng	Tùng				7.5	v	7	●	
34	21850024	Nguyễn Minh	Tư			8.0	8.0	v	8		
35	21850026	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo				8.0	v	8		
36	21850027	Lưu Quang	Thắng				8.0	v	8		
37	21850029	Trần Thị	Thân				7.5	v	7	●	
38	21850032	Nguyễn Hoàng	Vinh				7.5	v	7	●	
39	21850034	Hồ Hoàng	Vũ				7.5	v	7	●	
40	21850206	Đỗ Thành	Hiếu				7.0	v	7		
41	21880002	Lê Tuấn	Anh					●			
42	21880035	Võ Anh	Hào				7.5	v	7	●	
43	21880066	Nguyễn Kim	Khánh				7.5	v	7	●	
44	21880097	Trần Thị Huỳnh	Như					●			
45	21880123	Âu Dương	Tuấn				8.0	v	8		
46	21880139	Đào Huỳnh Minh	Thiện				6.5	v	6	●	
47	21880144	Lê Nguyễn Thanh	Thủy				7.5	v	7	●	
								v			
								v			
								v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đào Thanh Mai Chữ ký:	Họ, tên:	Họ, tên:
2) Đinh Quốc Tuấn Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009373

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Thống kê máy tính và ứng dụng** Mã học phần: **CSC15007**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **13/11/2022** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **GD1**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
1	1481224	Lý Văn	Hội			/	/	●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
2	1881112	Phạm Ngô Duy	Hiếu			6.0	7.0	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○	
3	1881118	Tống Khang	Khang			/	/	●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
4	1981234	Nguyễn Khánh	Thành			4.0	5.0	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
5	1985224	Trần Mẫn	Khiết			1.5	1.5	v	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
6	1985234	Nguyễn Thị Hồng	Ngự			/	/	●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
7	20810014	Lê Tuấn	Khôi			/	/	●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
8	20850005	Trần Duy	Cảnh			4.5	5.0	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
9	20850007	Lê Tấn Thanh	Dương			1.5	1.0	v	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
10	20850024	Huỳnh Công	Pha			1.0	2.5	v	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
11	20850028	Tăng Thanh	Tòng			1.5	2.5	v	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	●	
12	20850034	Nguyễn Thị Thúy	Trang			5.5	5.5	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	●	
13	20850036	Đỗ Minh	Trí			1.5	4.0	v	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○	
14	20850201	Bùi Lê Quốc	Bảo			6.5	8.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○	
15	20850209	Võ Chí	Hiếu			5.5	6.5	v	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	●	
16	20850210	Lưu Quốc	Hoàng			4.0	7.5	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	●	
17	20850213	Vũ Nguyễn Anh	Huy			6.0	8.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○	
18	20850222	Trầm Hữu	Nghiệp			6.0	5.0	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
19	20850224	Phạm Minh	Nhật			4.0	3.5	v	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	●	
20	20850232	Huỳnh Cẩm	Sơn			4.5	5.0	v	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○	
21	20850233	Võ Phước Hoàng	Sơn			/	/	●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
22	20850239	Lê Thị	Thủy			6.0	8.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○	
23	20880041	Vũ Thị Hoàng	Lan			6.0	7.0	v	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○	
24	20880223	Nguyễn Tống	Giang			8.0	8.0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○	
25	20880254	Lê Thùy	Linh			5.0	6.5	v	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đinh Quốc Tuấn Chữ ký:	Họ, tên: Võ Quốc Hoàng	Họ, tên:
2) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

22009374

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-TX-NVC

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Học kỳ: 1/22-23

Tên học phần: **Thống kê máy tính và ứng dụng** Mã học phần: **CSC15007**

Lớp: **TX01** Ngày thi: **13/11/2022** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **GD1**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm Cuối kỳ	Điểm Tổng kết	Vắng	Phần tô điểm (chi tô điểm tổng kết)	+0.5	Ghi chú
26	20880268	Nguyễn Triển	Phát			4.5	5.0	v	5		
27	21810012	Nguyễn Đức	Hoàng			5.0	8.0	v	8		
28	21850001	Nguyễn Tri Thùy	Dương			5.0	5.5	v	5		
29	21850006	Nguyễn Quang	Hậu			1.0	3.0	v	3		
30	21850007	Đinh Trường	Long			4.0	5.5	v	5		
31	21850015	Lương Anh	Phú			5.0	7.5	v	7		
32	21850016	Nguyễn	Phú			5.0	7.5	v	7		
33	21850021	Phạm Minh	Tuân			2.0	1.5	v	1		
34	21850022	Hà Sơn	Tùng			/	/				
35	21850026	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo			1.0	4.0	v	4		
36	21850027	Lưu Quang	Thắng			1.5	4.0	v	4		
37	21850028	Nguyễn	Thắng			3.0	5.0	v	5		
38	21850029	Trần Thị	Thân			2	5.0	v	5		vắng
39	21850032	Nguyễn Hoàng	Vinh			5.0	7.0	v	7		
40	21850034	Hồ Hoàng	Vũ			3.5	5.5	v	5		
41	21880150	Huỳnh Văn	Thương			7.5	9.0	v	9		
42	21880154	Nguyễn Bảo	Trọng			6.5	8.0	v	8		
								v			
								v			
								v			
								v			
								v			
								v			
								v			
								v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đinh Quốc Tuấn Chữ ký:	Họ, tên: Võ Quốc Hoàng	Họ, tên:
2) Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: